TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2019
"V/v Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Lợi

2. Bà Đậu Thị Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà: ông Nguyễn Quang Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị Bảo T,sinh năm 1989

Địa chỉ nơi ĐKHKTT: chòm 1, thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Chỗ ở hiện nay: thôn 8, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

2. Bị đơn: anh Ngô Anh V, sinh năm 1985. Địa chỉ: chòm 1, thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2019, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Phạm Thị Bảo T trình bày: Chị và anh Ngô Anh V có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27 tháng 8 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng phát sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng ngày càng không hiểu nhau, không tôn trọng nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải, giúp đỡ hàn gắn mâu thuẫn nhưng vẫn không cải thiện được tình trạng. Vào đầu năm 2019 vợ chồng chị T đã sống ly thân. Hiện nay chị T thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn được ly hôn với anh V. Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh V để sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Chị T trình bày quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung tên là Ngô Nhật L, sinh ngày 28/5/2008, Ngô Thái D, sinh ngày 24/4/2012 và Ngô Đức D, sinh ngày 05/11/2014. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả ba con chung, quá trình giải quyết tại Tòa án chị T không yêu cầu anh V phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa chị T có đề nghị anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho anh V nhưng anh V không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Q kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã cử cán bộ liên lạc giao đầy đủ cho anh V. Anh V đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và ký vào biên bản giao nhận giấy triệu tập.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử đều thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 51, 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này. Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Ngô Anh V. Về quan hệ tình cảm: áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh V. Về quan hệ con chung: Giao ba con Ngô Nhật L, sinh ngày 28/5/2008, Ngô Thái D, sinh ngày 24/4/2012 và Ngô Đức D, sinh ngày 05/11/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V phải đóng góp tiền cấp dưỡng

nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tình cảm: Chị Phạm Thị Bảo T và anh Ngô Anh V tìm hiểu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/8/2007 vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh V chung sống hạnh phúc một thời gian, do mâu tuẫn trong cuộc sống nên anh chị đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Chị T trình bày không còn tình cảm với anh V và mong muốn xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xét xử cho chị T được ly hôn với anh V.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 22/8/2019, do anh Ngô Anh V vắng mặt lần thứ nhất nên đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai anh V tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Ngô Anh V.

[2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị Phạm Thị Bảo T và anh Ngô Anh V có ba con chung là Ngô Nhật L, sinh ngày 28/5/2008, Ngô Thái D, sinh ngày 24/4/2012 và Ngô Đức D, sinh ngày 05/11/2014. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T có nguyện vọng mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 3 con, mặt khác cháu Ngô Nhật L và Ngô Thái D đều trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ, tại thời điểm vợ chồng chị T và anh V ly thân cho đến tại thời điểm xử ly hôn, cả ba con đều ở với chị T vì vậy giao cháu Ngô Nhật L, Ngô Thái D và Ngô Đức D cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, buộc anh V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2019 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Bảo T phải nộp tiền án phí ly hôn và anh Ngô Anh V phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Ngô Anh V.

2. Về quan hệ tình cảm:

Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Bảo T và anh Ngô Anh V

3. Về quan hệ con chung:

3.1. Giao con chung Ngô Nhật L, sinh ngày 28/5/2008, Ngô Thái D, sinh ngày 24/4/2012 và Ngô Đức D, sinh ngày 05/11/2014 cho chị Phạm Thị Bảo T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3.2. Về phần cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Anh V có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2019 cho đến khi các con đã thành niên, có khả năng lao động, có tài sản tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Bảo T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh Ngô Anh V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con

theo định kỳ để sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí chị T phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0001298 ngày 31/5/2019. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/9/2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.